

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NA RÌ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2024.

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Thanh Bình**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Văn Sinh**.

Bà **Nông Thị Giáp**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Ma Văn Chung**- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà **Triệu Kim Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về: "*Tranh chấp ly hôn, con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Quỳnh T**, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

\* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2024, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/03/2024, bản giải trình ngày 03/5/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị Quỳnh T trình bày:*

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị Quỳnh T** kết hôn với anh **Nguyễn Văn H** trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L

(Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 28/11/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị T, anh H sống cùng gia đình anh H ở thôn X, xã L (N là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống không hòa hợp, anh H có hành vi tát, đánh và bóp cổ chị T 01 lần vào năm 2017 tại gia đình anh H. Việc anh H đánh chị T thì có bà Hoàng Thị C, là mẹ chồng vào can ngăn và sau khi sự việc xảy ra chị T có gọi điện thoại báo cho mẹ của chị T là bà Nông Thị H1 đến đón chị T về nhà, sau khi mẹ của chị T đến đón chị T thì anh H có xin lỗi chị T nên chị T không về nhà bố mẹ của chị T nữa. Ngoài mâu thuẫn trên trong quá trình chung sống anh H toàn nói những câu khó nghe dẫn đến chị T bị ức chế về tinh thần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ năm 2018 chị T đã về sinh sống ở nhà bố mẹ của chị T ở thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và đến ngày 23/02/2024 chị T làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án yêu cầu được ly hôn với anh H. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vào hồi 17 giờ 22 phút, ngày 15/3/2024 anh H nhắn tin từ Zalo của anh H tên là "H" qua Zalo của chị T tên là "Quỳnh T" với nội dung đe dọa giết chị T. Tuy nhiên chị T cho rằng anh H chỉ dọa nên chị T không sợ và không báo Công an.

\* Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Nguyễn Thị Thiên N, sinh ngày 24/12/2014. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Nguyễn Văn H. Ly hôn chị T đồng ý cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị T nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đến năm con chung đủ 18 tuổi.

\* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản giải trình ngày 23/5/2024, nguyên đơn chị Phan Thị Quỳnh T trình bày:*

Ngày 23/02/2024 Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh Nguyễn Văn H. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án giữa chị T và anh H đã trao đổi với nhau về việc anh H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thiên N, sinh ngày 24/12/2014 đến năm con chung đủ 18 tuổi và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Cụ thể: Vào hồi 14 giờ 10 phút, ngày 23/5/2024 anh H nhắn tin từ Zalo của anh H, tên Z là "H" qua Zalo của chị T, tên Z là "Quỳnh T" với nội dung là "Tóm lại là như thế này, cái N vẫn ở đây, không đi đâu hết, việc Tòa án hay Công an gọi tôi thì đấy là việc của tôi, tự tôi giải quyết. Còn trách nhiệm của cô là mỗi tháng đưa cho con N như vậy, giờ đến tháng rồi. Hiểu chưa".

*Tại biên bản giao nhận văn bản tố tụng ngày 10/5/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh H không thừa nhận về lời khai của chị T về việc anh H cầm dao kề vào cổ của chị T, anh H cho rằng chị T vu khống anh H.

*Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024 bà Hoàng Thị C, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, là mẹ đẻ của bị đơn anh Nguyễn Văn H2 trình bày:*

Bà C là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H. Giữa bà với anh H và chị T không có mâu thuẫn gì. Anh H và chị T kết hôn với nhau vào năm 2013. Sau khi kết hôn anh H và chị T sinh sống cùng gia đình bà C tại thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình anh H và chị T chung sống cùng gia đình bà thì bà không thấy hai vợ chồng có mâu thuẫn gì. Bà chỉ biết từ tháng 04 năm 2015 chị T bỏ đi làm công ty và từ khi chị T bỏ đi làm công ty thì bà không thấy chị T về thăm anh H và con bao giờ.

*Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024 bà Hoàng Thị L, là Trưởng thôn của thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trình bày:*

Bà L là trưởng thôn của thôn X, xã S, huyện N. Qua thăm năm bà được biết chị T và anh H kết hôn với nhau vào khoảng năm 2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T và anh H sinh sống cùng gia đình anh H ở thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống bà không biết giữa chị T và anh H có mâu thuẫn gì hay không, vì thôn chưa được hòa giải mâu thuẫn của hai vợ chồng chị T, anh H bao giờ. Bà chỉ biết hiện nay chị T không còn chung sống với anh H ở thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Bà không biết hiện nay chị T đang làm gì và ở đâu, còn anh H vẫn sinh sống ở thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

*Tại biên bản xác minh ngày 03/5/2024 bà Nông Thị H1, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, là mẹ đẻ của nguyên đơn chị Phan Thị Quỳnh T trình bày:*

Bà H1 là mẹ đẻ của chị Phan Thị Quỳnh T. Giữa bà với chị T và anh H không có mâu thuẫn gì. Trong quá trình chị T và anh H chung sống với nhau ở nhà anh H thì có 01 lần chị T và bà Hoàng Thị C, là mẹ đẻ của anh H có gọi điện thoại cho bà báo anh H đánh chị T. Sau khi bà đến nơi thì không nhìn thấy anh H đánh chị T nhưng bà thấy chị T bị chảy máu mũi. Thời gian anh H đánh chị T vào khoảng năm 2016. Bà chỉ được chứng kiến mâu thuẫn của hai vợ chồng chị T, anh H lần đó, còn việc chị T và anh H còn có mâu thuẫn gì khác không thì bà không nắm được. Đến khoảng năm 2018 chị T bỏ về nhà bà sinh sống được một thời gian, sau đó chị T đi làm công nhân và hai vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì chị T và anh H không còn quan tâm liên lạc gì với nhau.

*Tại phiên tòa:*

Trong đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị Quỳnh T trình bày: Ngày 23/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Na Rì đưa vụ án Hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa chị T và anh Nguyễn Văn H ra xét xử. Tuy nhiên, do chị T có việc bận nên không tham gia phiên tòa được. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử vắng mặt chị T tại phiên tòa ngày 23/8/2024 và các phiên tòa tiếp theo nếu có.

Về quan hôn nhân: Chị T đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H

Về con chung: Chị T đề nghị giao con chung tên là Nguyễn Thị Thiên N, sinh ngày 24/12/2014 cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Phan Thị Quỳnh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Giao con chung Nguyễn Thị Thiên N, sinh ngày 24/12/2014 cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Quỳnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thiên N định kỳ hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết. Chị Phan Thị Quỳnh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phan Thị Quỳnh T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn H. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn chị Phan Thị Quỳnh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Toà án triệu tập họp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị Quỳnh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn theo chị T trình bày là vợ chồng sống không hòa hợp, anh H có hành vi tát, đánh và bóp cổ chị T 01 lần vào năm 2017 tại gia đình anh H, ngoài mâu thuẫn trên thì trong quá trình chung sống anh H toàn nói những câu khó nghe dẫn đến chị T bị ức chế về tinh thần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và từ năm 2018 chị T đã về sinh sống ở nhà bố mẹ của chị T ở thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay.

Việc chị T trình bày bị anh H tát, đánh và bóp cổ chị T 01 lần, anh H không thừa nhận được tát, đánh và bóp cổ chị T theo như chị T trình bày. Qua xác minh đối với bà Hoàng Thị C là mẹ đẻ của anh H sinh sống cùng anh H cũng cho rằng trong thời gian sinh sống với nhau hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì và qua xác minh đối với bà Nông Thị H1 là mẹ đẻ của chị T trình bày là không được trực tiếp nhìn thấy anh H đánh chị T mà bà thấy chị T bị chảy máu mũi. Việc chị T trình bày bị anh H tát, đánh và bóp cổ, HĐXX thấy chưa đủ cơ sở để khẳng định có việc anh H đánh, tát và bóp cổ chị T theo như chị T trình bày. Nhưng HĐXX thấy có căn cứ để khẳng định trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H có mâu thuẫn và hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình từ năm 2018 đến nay theo như chị T trình bày.

Do đó, có cơ sở để kết luận hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung*: Chị T và anh H có 01 (Một) con chung tên là Nguyễn Thị Thiên N, sinh ngày 24/12/2014. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng anh H. Ly hôn chị T đồng ý cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét ý kiến của chị T về việc sau khi ly hôn anh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung

Nguyễn Thị Thiên N đến năm đủ 18 tuổi là phù hợp, quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có ý kiến phản đối về vấn đề này và phù hợp với ý kiến của anh H là được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung qua tin nhắn Zalo mà anh H đã gửi cho chị T, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thiên N và cháu N đã thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên, mẹ của cháu N là chị T hiện tại đi làm công nhân xa nhà, chỗ ở riêng chưa có và chị T đã đồng ý để cho anh H bố cháu N là người trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, ý kiến của mẹ cháu N về việc đồng ý cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không gây xáo trộn, ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị T và anh H ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh H trực tiếp nuôi con chung và chị T nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng. Việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đảm bảo quyền lợi cho con chung; phù hợp với ý kiến của anh H qua tin nhắn Zalo mà anh H đã gửi cho chị T, phù hợp với biên bản giải trình ngày 23/5/2024 mà chị T đã nộp cho Tòa án. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T về việc chị T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thiên N định kỳ hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Phan Thị Quỳnh T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phan Thị Quỳnh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H

**2. Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Thị Thiên N, sinh ngày 24/12/2014 cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Phan Thị Quỳnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thiên N định kỳ hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".*

Sau khi ly hôn chị Phan Thị Quỳnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Phan Thị Quỳnh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003524, ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Chị Phan Thị Quỳnh T phải nộp thêm 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản bản án theo quy định của pháp luật.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã Sơn Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Thanh Bình**

